

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC

Tên đề tài:

**ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
TỚI BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP NÔNG THÔN -
THÀNH THỊ TẠI VIỆT NAM**

Mã số: ĐH 2016 - TN08 - 03

Chủ nhiệm đề tài: *ThS. Nguyễn Ngọc Hoa*

Thái Nguyên, tháng 10 năm 2018

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Bố cục của đề tài	2
Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỚI BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP NÔNG THÔN - THÀNH THỊ	3
1.1. Cơ sở lý luận về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	3
1.1.1. Những vấn đề lý luận về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	3
1.1.2. Đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài	3
1.1.3. Phân loại đầu tư trực tiếp nước ngoài	4
1.1.4. Những tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài	4
1.2. Những lý luận về bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị.....	5
1.2.1. Khái niệm về bất bình đẳng thu nhập.....	5
1.2.2. Đo lường bất bình đẳng thu nhập.....	5
1.2.3. Một số quan điểm lý luận về bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị.....	6
1.3. Ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị	6
1.4.1. Ngoài nước.....	6
1.4.2. Trong nước.....	6
Chương 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU NGHIÊN CỨU	7
2.1. Câu hỏi nghiên cứu	7
2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	7
2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu.....	7
2.2.2. Phương pháp tổng hợp số liệu.....	7
2.2.3. Phương pháp phân tích số liệu	8
2.2. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu	8
2.2.1. Các chỉ tiêu phản ánh thu nhập	8
2.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh bất bình đẳng	8
2.2.3. Các chỉ tiêu phản ánh xu thế hội nhập quốc tế.....	8
Chương 3: ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỚI BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP TẠI VIỆT NAM	9
3.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam	9
3.1.1. Thực trạng thu hút FDI theo quy mô vốn đầu tư	9
3.1.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam phân theo đối tác đầu tư.....	9
3.1.3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam phân theo ngành kinh tế.....	10

3.2. Thực trạng bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.....	10
3.2.1. Thực trạng bất bình đẳng chung.....	10
3.2.2. Bất bình đẳng thu nhập theo khu vực thành thị và nông thôn.....	10
3.3. Ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam	11
Chương 4: MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH NHẪM THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP NÔNG THÔN - THÀNH THỊ TẠI VIỆT NAM	12
4.1. Định hướng thu hút FDI và giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị	12
4.1.1. Định hướng chung về thu hút FDI	12
4.2.1. Định hướng về giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị trong những năm tới.....	12
4.2. Giải pháp thu hút FDI và giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị.....	12
4.2.1. Nhóm giải pháp thu hút FDI	12
4.2.2. Nhóm giải pháp nhằm giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị	13
KẾT LUẬN.....	14

THÀNH VIÊN THAM GIA VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

1. Những thành viên tham gia nghiên cứu đề tài

- PGS. TS Trần Nhuận Kiên - Trường ĐH Kinh tế và QTKD
- TS. Nguyễn T. Phương Hào - Khoa Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế và QTKD
- ThS. Trần Văn Dũng - Khoa Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế và QTKD

2. Đơn vị phối hợp chính

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ tiếng Việt
BQĐN	Bình quân đầu người
CNXD	Công nghiệp xây dựng
CP	Chính phủ
DV	Dịch vụ
ĐLC	Độ lệch chuẩn
ĐVT	Đơn vị tính
GTLN	Giá trị lớn nhất
GTNN	Giá trị nhỏ nhất
GTTB	Giá trị trung bình
NĐ - CP	Nghị định - Chính phủ
NLTS	Nông lâm thủy sản
NSNN	Ngân sách nhà nước
TCTK	Tổng cục Thống kê

Tiếng Anh

Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ tiếng Anh	Nghĩa đầy đủ tiếng Việt
BOT	Build - Operate - Transfer	Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao
BT	Build - Transfer	Xây dựng - Chuyển giao
CPI	Consumer Price Index	Chỉ số giá
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FEM	Fixed Effects Model	Mô hình hiệu ứng cố định
IMF	International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ quốc tế
M&A	Mergers and Acquisitions	Mua lại và sáp nhập
OECD	Organization for Economic Cooperation and Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
REM	Random Effects Model	Mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên
UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development	Diễn đàn Thương mại và Phát triển Liên Hiệp Quốc
VHLSS	Vietnam Household Living Standard Survey	Bộ dữ liệu điều tra mức sống hộ gia đình
WTO	World Trade Organization	Tổ chức thương mại thế giới

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung

- Tên đề tài: Ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

- Mã số: ĐH 2016 - TN08 - 03

- Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Ngọc Hoa

- Tổ chức chủ trì: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

- Thời gian thực hiện: 01/2016 - 12/2017

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Phân tích thực trạng tác động của nguồn vốn FDI đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, đưa ra những gợi mở chính sách nhằm nâng cao chất lượng nguồn vốn FDI và giảm bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Góp phần hệ thống hóa được cơ sở lý luận về FDI, bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị và tác động của vốn FDI đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị.

- Phân tích, đánh giá được thực trạng thực hiện vốn FDI và bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

- Chỉ ra được nguồn vốn FDI tác động của đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam như thế nào

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn vốn FDI và giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

3. Tính mới và tính sáng tạo

Đề tài tổng hợp, phân tích thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam, bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam. Từ đó đánh giá ảnh hưởng của FDI tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam. Nghiên cứu về thực trạng thu hút FDI hoặc bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị đã có một số nghiên cứu trước đây. Nhưng nghiên cứu về ảnh hưởng của FDI tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị thì chưa có nghiên cứu nào tại Việt Nam đề cập tới.

4. Kết quả nghiên cứu

Thông qua nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về FDI, bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị, tác động của FDI tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị, nghiên cứu đã tìm hiểu:

- Giới thiệu một cách cơ bản về khái niệm, đặc điểm, phân loại, những tác động của FDI tới phát triển kinh tế - xã hội.

- Khái niệm, đo lường bất bình đẳng, ảnh hưởng của bất bình đẳng tới phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực trạng thu hút FDI và bất bình đẳng nông thôn - thành thị tại Việt Nam

Từ thực trạng nghiên cứu ở trên, kết hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thu hút FDI như cần chuyển dần sang coi trọng cơ cấu và chất lượng FDI, thu hút FDI có hàm lượng carbon thấp, thu hút và khai thác hiệu quả FDI công nghệ hiện đại, thu hút FDI nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Một số giải pháp nhằm làm giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị như đẩy mạnh quá trình đổi mới thể chế, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản, đa dạng hóa nguồn thu nhập ở nông thôn,...

5. Sản phẩm

- Nguyễn Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Phương Hảo (2017), “Bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, 507, tr. 40 -42.
- Nguyễn Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Thúy Vân (2017), “Thực trạng thu hút FDI tại Việt Nam”, *Tạp chí Tài Chính*, 670, tr. 76 -78.
- Một phần của NCS: Đề cương Luận án tiến sĩ, nội dung seminar
- Báo cáo phân tích ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

- Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo bổ ích cho HĐND, UBND các tỉnh trong cả nước về việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và làm giảm bất bình đẳng khu vực nông thôn - thành thị.
- Kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của thầy và trò trong các Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp đào tạo về ngành kinh tế.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018

Xác nhận của tổ chức chủ trì

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài

ThS. Nguyễn Ngọc Hoa

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

- Project title: Effects of Foreign Direct Investment on income inequality between rural and urban areas in Viet Nam
- Code number: **DH 2016 - TN08 - 03**
- Coordinator: Nguyen Ngoc Hoa, Master.
- Implementing institution: University of Economics and Business Administration
- Duration: 1/2016-12/2017

2. Objective(s)

2.1. General objective

The research analyzes the impact of FDI on income inequality between rural and urban areas in Viet Nam. Basing on the results the study recommends several implications to enhance the quality of FDI and reduce income inequality in Viet Nam

2.2. Specific objectives

- Enriching literature reviews of the impact of FDI and income inequality in Viet Nam. Furthermore, the study provides empirical evidence of effects of FDI on income inequality in both rural and urban arrears in Vietnam
- Analyzing and assessing the existing reviews of FDI and income inequality between rural and urban arrears in Vietnam
- The research focuses on the impact of FDI on income inequality between rural and urban areas in Vietnam
- Proposing recommendations to enhance the quality of FDI and reduce income inequality between rural and urban areas in Vietnam

3. The new scientific findings

The project synthesizes and analyzes the existing literature of FDI attraction into Vietnam, and income inequality between rural and urban areas in Vietnam. Addition, the project evaluates the impact of FDI on income inequality between rural and urban areas in Vietnam. Although there are several empirical studies on the existing attraction of FDI and income inequality between rural and urban areas, the impact of FDI on income inequality between rural and urban areas in Vietnam is still limited.

4. Research results

The project has researched the theories and literature reviews of FDI and income inequality between rural and urban areas. Additionally, the project evaluated the impact of FDI on income inequality between rural and urban areas in Vietnam. The results of the project followed:

- Introducing the foundation of concepts, characteristics, categories of effects of FDI on socio-economic development

- Providing the definitions, measurement of income inequality and the impact of income inequality on socio-economic development

- Providing the existing literature on FDI inflows and income inequality between rural and urban areas in Vietnam

Basing on the empirical results, the project also proposes several recommendations to attract FDI inflows and to focus mainly on the structure and quality of FDI such as attracting more FDI inflows with lower Carbon emissions, advanced technologies, and higher quality of human resource. In addition, the project proposes recommendations to reduce income inequality between rural and urban areas and foster institutional reform and to foster agricultural goods or to diversify income sources in rural areas.

5. Products

- Nguyễn Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Phương Hào (2017), “Income inequality between rural and urban areas in Vietnam”, *Asia -Pacific Economic Review*, 507, tr. 40 -42.
- Nguyễn Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Thúy Vân (2017), “Assessing the existing attraction of FDI inflows in Vietnam”, *Review of Finance*, 670, tr. 76 -78.
- The project contained several information from outlines of the approved dissertation
- Analysis report Effects of Foreign Direct Investment on income inequality between rural and urban areas in Viet Nam.

6. Transfer alternatives of research results adaptability

- The research results are a useful reference for the People's Councils and People's Committees of the provinces in Vietnam to attract FDI and reduce income inequality between rural and urban areas.
- The research results might be applied in teaching and researching for lecturers and students in Universities, Academies, Colleges, and vocational secondary schools in the fields of economics.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam bắt đầu từ những năm 1980 thông qua các liên doanh khai thác, thăm dò dầu khí, trồng cao su... Ngày 29 tháng 12 năm 1987, Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tiên được Quốc hội Việt Nam thông qua, hoạt động của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chính thức được triển khai và mở rộng.

Các nỗ lực của Chính phủ đã đem lại những kết quả đáng khích lệ về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Tính đến ngày 20/12/2017, Việt Nam có 24.748 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký là 318,72 tỷ USD, trong đó đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp - chế biến - chế tạo là 186,1 tỷ USD (chiếm 58,4% tổng vốn đầu tư), sau đó đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 53,1 tỷ USD (chiếm 16,7% tổng vốn đầu tư).

Không thể phủ nhận vai trò đặc biệt quan trọng của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế. Đây là nguồn vốn có vai trò trực tiếp tác động đến phát triển kinh tế Việt Nam cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh những đóng góp tích cực, FDI cũng đã và đang tạo ra những tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Một trong những tác động của FDI là gây bất bình đẳng và phân tầng xã hội. Tăng trưởng kinh tế đã chia sẻ lợi ích cho đông đảo các tầng lớp xã hội, trong đó có cả người nghèo, các nhóm xã hội yếu thế. Tuy nhiên vẫn còn những khác biệt, không công bằng, do có những nhóm xã hội được hưởng lợi nhiều hơn so với nhóm khác. Theo kết quả điều tra mức sống hộ gia đình của Tổng cục Thống kê, hệ số chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn đang được rút ngắn (năm 2002 là 2,26 lần; năm 2016 là 1,79 lần) nhưng mức chênh lệch tuyệt đối lại đang tăng lên (năm 2002 là 347 nghìn đồng; đến năm 2016 là 1.931 nghìn đồng). Như vậy, chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự gia tăng bất bình đẳng ở Việt Nam trong những năm qua.

Trên thế giới đã có rất nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề này như: *Nghiên cứu về tác động của FDI tới bất bình đẳng thu nhập ở Trung Quốc* của tác giả Furong Jin (năm 2009); *Nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập của 119 nước từ năm 1993 - 2002* của tác giả Changkyu Choi (2006); *Nghiên cứu tác động của FDI đến bất bình đẳng thu nhập* của tác giả Feenstra and Hanson (1997)... Tại Việt Nam, có rất nhiều bài viết chuyên ngành, đề tài nghiên cứu, đánh giá về tác động của FDI vào tăng trưởng kinh tế: *Đầu tư trực tiếp nước ngoài với chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Thái Nguyên trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế* của tác giả Nguyễn Tiên Long (Đề tài cấp Bộ, 2009); *Đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố Hồ Chí Minh* của tác giả Nguyễn Tấn Vinh (Luận án tiến sĩ kinh tế, 2011). Tuy nhiên, có rất ít thảo luận, nghiên cứu về tác động của FDI tới bất bình đẳng thu nhập. Vì những lý do trên, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn đề tài ***“Ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn – thành thị tại Việt Nam”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Góp phần hệ thống hóa được cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn về FDI, bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị và tác động của vốn FDI đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị.

- Phân tích, đánh giá được thực trạng thực hiện vốn FDI và bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

- Tìm ra được các yếu tố tác động đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam, trong đó chỉ ra được tác động của nguồn vốn FDI đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

- Đề xuất một số gợi mở chính sách nhằm thu hút FDI và giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về tác động của nguồn vốn FDI đến bất bình đẳng thu nhập.

- Nghiên cứu các yếu tố tác động đến bất bình đẳng thu nhập và mối quan hệ giữa vốn FDI với bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại Việt Nam, một quốc gia đã thu hút được lượng vốn FDI lớn trong quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Về thời gian: Nghiên cứu và thu thập số liệu từ năm 2002 đến 2016.

- Về nội dung: Nghiên cứu tập trung vào mối quan hệ giữa vốn FDI và tình trạng bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị ở Việt Nam.

4. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, nội dung của đề tài gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học về tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu và hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

Chương 3: Ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam

Chương 4: Một số gợi ý chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam.

Chương 1

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỚI BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP NÔNG THÔN - THÀNH THỊ

1.1. Cơ sở lý luận về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.1. Những vấn đề lý luận về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Khái niệm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Theo Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), FDI là một hoạt động đầu tư được thực hiện nhằm đạt được những lợi ích lâu dài trong một doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của một nền kinh tế khác nền kinh tế nước chủ đầu tư, mục đích của chủ đầu tư là giành quyền quản lý thực sự doanh nghiệp” [1].

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), FDI được thực hiện nhằm thiết lập các mối quan hệ lâu dài với một doanh nghiệp đặc biệt là những khoản đầu tư mang lại khả năng tạo ảnh hưởng đối với việc quản lý doanh nghiệp.

Theo Tổ chức thương mại Thế giới (WTO):

FDI xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó. Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác.

Theo Ủy ban Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD):

FDI là một khoản đầu tư bao gồm mối quan hệ dài hạn, phản ánh lợi ích và quyền kiểm soát lâu dài của một thực thể thường trú ở một nền kinh tế trong doanh nghiệp thường trú ở một nền kinh tế khác với nền kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.

Theo Luật Đầu tư Việt Nam (2005)

Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư tham gia quản lý hoạt động đầu tư (Mục 2 - Điều 3). Đầu tư trực tiếp nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vốn vào Việt Nam bằng tiền mặt hoặc bất cứ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của luật này (Mục 12 - Điều 3) [3].

Từ các khái niệm trên, tác giả đưa ra kết luận: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài là quá trình di chuyển vốn mang tính chất dài hạn từ quốc gia này sang quốc gia khác. Trong đó nhà đầu tư nước ngoài tiến hành đầu tư một tỷ lệ vốn nhất định và trực tiếp tham gia quản lý sản xuất kinh doanh, nhằm thu được lợi ích lâu dài về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội.”

1.1.2. Đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có những đặc điểm cơ bản sau:

- FDI là loại hình chu chuyển vốn quốc tế, chủ sở hữu vốn tiến hành hoạt động đầu tư ở nước ngoài.

- FDI có thể được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như tiền mặt, đất đai, máy móc, thiết bị, phát minh, sang chế, bí quyết công nghệ, thương hiệu.

- FDI là loại hình đầu tư trực tiếp, nhà đầu tư nước ngoài có quyền điều hành doanh nghiệp nhận vốn.

- Vốn FDI có một mức độ tối thiểu và mức độ tối đa mà chủ đầu tư nước ngoài phải đóng góp. Mức độ này có thể khác nhau tùy theo Luật Đầu tư nước ngoài của từng nước.

- FDI là loại hình đầu tư dài hạn và trực tiếp, không phải là vốn vay.

- Vốn FDI thường di chuyển vào các lĩnh vực, địa bàn có nhiều ưu tiên và lợi thế của nước chủ nhà, nhằm tối đa hóa tất cả các lợi ích có thể có khi thực hiện đầu tư.

- Vốn FDI tác động tới nền kinh tế của nước nhận đầu tư mang hai mặt tính hai mặt đối lập nhau là tích cực và tiêu cực.

1.1.3. Phân loại đầu tư trực tiếp nước ngoài

* **Phân theo mục đích đầu tư**, đầu tư trực tiếp nước ngoài gồm đầu tư theo chiều ngang và đầu tư theo chiều dọc:

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo chiều ngang

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo chiều dọc

* **Phân theo hình thức sở hữu, đầu tư trực tiếp nước ngoài bao gồm:**

Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hình thức công ty hay xí nghiệp liên doanh:

Hình thức công ty hay xí nghiệp 100% vốn từ nước ngoài:

Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B - O - T)

Công ty cổ phần có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Mua lại và sáp nhập (M&A)

***Phân theo tính chất dòng vốn**

Vốn chứng khoán

Vốn tái đầu tư

Vốn vay nội bộ hay giao dịch nợ nội bộ

* **Phân theo mục tiêu của nhà đầu tư**

Vốn tìm kiếm tài nguyên

Vốn tìm kiếm hiệu quả

Vốn tìm kiếm thị trường

1.1.4. Những tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.4.1. Những tác động tích cực

* **Đối với nước chủ đầu tư**

FDI góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn: Phần lớn các nước chủ đầu tư là những nước công nghiệp phát triển và một số nước công nghiệp mới.

FDI góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: FDI giúp các nước chủ đầu tư có thể mở rộng khu vực ảnh hưởng về sức mạnh kinh tế và chính trị trên thị trường quốc tế.

FDI góp phần đảm bảo nguồn nguyên liệu, nó cho phép các nhà đầu tư xây dựng, mở rộng, ổn định và phát triển thị trường nguyên liệu với giá cả hợp lý để bù đắp cho sự khan hiếm các nguyên liệu trong nước.

*** Đối với nước tiếp nhận đầu tư**

FDI giúp tạo nguồn thu ngân sách lớn cho nước tiếp nhận đầu tư. FDI thường đi kèm với công nghệ, kỹ thuật hiện đại, chuyển giao các bí quyết công nghệ tiên tiến. FDI góp phần tăng số lượng việc làm và đào tạo nhân công của nước tiếp nhận đầu tư. Các doanh nghiệp khi thực hiện đầu tư đều mong muốn tối đa hóa lợi nhuận nên càng giảm thiểu được nhiều chi phí thì lợi nhuận càng tăng. Thực hiện FDI tại các nước tiếp nhận đầu tư, các công ty đa quốc gia sử dụng lao động tại địa phương. Các nước tiếp nhận FDI thu được nhiều lợi ích từ hoạt động nghiên cứu, triển khai và phát triển. Hoạt động FDI vào các nước đang phát triển sẽ giúp doanh nghiệp ở các nước này tiếp cận với thị trường thế giới thông qua liên doanh và mạng sản xuất cung ứng trong khu vực và toàn cầu.

1.1.4.2. Những tác động tiêu cực

*** Đối với nước chủ đầu tư**

FDI có thể gây ra rủi ro cao nếu môi trường kinh tế, chính trị của nước tiếp nhận đầu tư có nhiều bất trắc. FDI có thể tạo ra những cuộc di chuyển vốn ồ ạt.

*** Đối với nước tiếp nhận đầu tư**

FDI có thể làm cho cơ cấu ngành, vùng, sản phẩm của nước tiếp nhận đầu tư phát triển không đồng đều, bất hợp lý hoặc mất cân đối nghiêm trọng. FDI dẫn đến tình trạng đầu tư tràn lan, huỷ hoại tài nguyên môi trường ở các nước nhận đầu tư. FDI có thể tạo ra các đối thủ cạnh tranh quá gay gắt đối với các nhà đầu tư trong nước, nếu không có sự chuẩn bị hợp lý thì sản xuất của nước tiếp nhận đầu tư sẽ bị giảm sút hoặc phá sản.

1.2. Những lý luận về bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị

1.2.1. Khái niệm về bất bình đẳng thu nhập

Bất bình đẳng thu nhập đề cập đến hiện tượng thu nhập được phân phối không đều giữa các cá nhân hoặc các hộ gia đình trong nền kinh tế. Để xem xét mức độ bất bình đẳng thu nhập người ta thường dựa vào tỷ trọng thu nhập được nhận bởi bao nhiêu phần trăm dân số. Bất bình đẳng thu nhập thường được gắn với ý tưởng về “sự bất công bằng”.

1.2.2. Đo lường bất bình đẳng thu nhập

Các thước đo bất bình đẳng phụ thuộc vào mức thu nhập/ tiêu dùng trung bình trong một nước và sự phân phối thu nhập/ tiêu dùng trung bình đó. Có nhiều thước đo bất bình đẳng thu nhập, bao gồm: *theo cách tiếp cận quy mô, Đường cong Lorenz, hệ số GINI, Chỉ số TheilT, tiêu chuẩn 40 của Ngân hàng Thế giới, hệ số giãn cách thu nhập (Tỷ lệ Q5/Q1).*

1.2.3. Một số quan điểm lý luận về bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị

1.3. Ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị

Đầu tư trực tiếp nước ngoài không thể tác động trực tiếp đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị mà nó phải tác động thông qua một số nhân tố trung gian

Thứ nhất, FDI giúp góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế một cách hiệu quả hơn theo hướng hợp tác, hội nhập nền kinh tế quốc tế.

Thứ hai, FDI tác động tới chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo các ngành và thay đổi quan hệ cung cầu vốn đầu tư, dẫn đến những điều chỉnh trong chính sách tiết kiệm và vay nợ từ nước ngoài.

Thứ ba, FDI giúp tạo nguồn thu ngân sách chính phủ lớn cho nước tiếp nhận đầu tư. Thực hiện tốt việc tiếp nhận FDI đem lại cho những nước này cơ hội cho sự phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường...

Thứ tư, FDI góp phần tăng số lượng việc làm và đào tạo nhân công của nước tiếp nhận đầu tư.

1.4. Các nghiên cứu có liên quan về tác động của FDI tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị

1.4.1. Ngoài nước

1.4.2. Trong nước

Chương 2

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU NGHIÊN CỨU

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

- ✓ Thực trạng thu hút FDI và bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị ở Việt Nam thời gian qua như thế nào?
- ✓ Đầu tư trực tiếp nước ngoài có ảnh hưởng đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị như thế nào?
- ✓ Những giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam trong thời gian tới là gì?

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

2.2.1.1. Phân loại dữ liệu

- Căn cứ vào giá trị của biến số

Đề tài sử dụng dữ liệu định lượng.

Dữ liệu định lượng: phản ánh bằng các con số kèm theo đơn vị đo cụ thể. Loại dữ liệu này được thể hiện bằng các con số thu thập hoặc tính toán được trong quá trình thực hiện đề tài như GDP, GDP bình quân đầu người, giá trị xuất khẩu, giá trị nhập khẩu,...

- Căn cứ vào phạm vi thời gian và không gian của số liệu

Đề tài sử dụng ba loại: dữ liệu theo chuỗi thời gian, dữ liệu chéo và dữ liệu mảng (dữ liệu hỗn hợp).

2.2.1.2. Nguồn dữ liệu sử dụng

Số liệu được sử dụng trong luận án là nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ kết quả điều tra khảo sát của Tổng cục thống kê Việt Nam và Cục thống kê các tỉnh. Bao gồm:

- Trang web của Tổng cục Thống kê: gso.gov.vn.
- Niên giám thống kê tóm tắt qua các năm của Tổng cục thống kê.
- Khảo sát mức sống dân cư của các tỉnh thành trong các năm 2006, 2008, 2010, 2012, 2014 của Tổng cục Thống kê.

Các tài liệu này sẽ được tổng hợp, phân loại và sắp xếp theo từng nhóm phù hợp với nội dung nghiên cứu.

Các chỉ tiêu thu thập số liệu bao gồm: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong năm (FDI); tổng sản phẩm trong năm (GDP); chỉ số giá (CPI); kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; tổng dân số, dân số khu vực thành thị, ngân sách nhà nước, số thuê bao điện thoại,...

2.2.2. Phương pháp tổng hợp số liệu

2.2.2.1. Công cụ tổng hợp dữ liệu

Các dữ liệu thứ cấp được sắp xếp cho phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, sau đó được tổng hợp bằng phần mềm Excel.

2.2.2.2. Phương pháp tổng hợp dữ liệu

Dữ liệu thu thập được sẽ được tiến hành so sánh, kiểm tra giữa các nguồn khác nhau để đảm bảo tính chính xác trước khi tính toán. Bên cạnh đó, những dữ liệu thiếu sót, sai lệch sẽ được điều chỉnh kịp thời. Từ đó sẽ thu được bộ dữ liệu đầy đủ và chính xác phục vụ cho việc phân tích.

- Sắp xếp dữ liệu

- Phân tổ dữ liệu: dữ liệu sau khi sắp xếp sẽ được phân tổ theo năm, theo khu vực kinh tế xã hội,...

- Trình bày kết quả: kết quả dữ liệu sau khi sắp xếp và phân tổ sẽ được trình bày dưới dạng bảng biểu hoặc đồ thị thống kê.

2.2.3. Phương pháp phân tích số liệu

2.2.3.1. Phương pháp thống kê mô tả

2.2.3.2. Phương pháp so sánh

2.2.3.3. Phương pháp sử dụng mô hình hồi quy

$$theilt_{it} = \beta_0 + \beta_1 \cdot trade_{it} + \beta_2 \cdot lngdpbq_{it} + \beta_3 \cdot fdi_{it} + \beta_4 \cdot cpi_{it} + \beta_5 \cdot nsnn_{it} + \beta_6 \cdot ur_{it} + \beta_7 \cdot lntb_{it} + v_{it}$$

2.2. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

2.2.1. Các chỉ tiêu phản ánh thu nhập

- Thu nhập bình quân đầu người (GDPbq)
- Cơ cấu thu nhập
- Cơ cấu thu nhập theo nguồn thu

2.2.2. Các chỉ tiêu phản ánh bất bình đẳng

- Hệ số chênh lệch giàu nghèo
- Hệ số GINI
- Chỉ số TheilT

2.2.3. Các chỉ tiêu phản ánh xu thế hội nhập quốc tế

- trade
- fdi

Chương 3

ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỚI BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP TẠI VIỆT NAM

3.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

Tính đến cuối năm 2016, sau gần 30 năm kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được Quốc hội thông qua năm 1987, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI - Foreign Direct Investment) vào Việt Nam có xu hướng tăng lên đáng kể.

3.1.1. *Thực trạng thu hút FDI theo quy mô vốn đầu tư*

Việt Nam có nhiều lợi thế trong thu hút FDI như chính trị ổn định, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, tăng trưởng thị trường khá nhanh... Nhờ phát huy có hiệu quả các lợi thế đó, dòng vốn FDI vào Việt Nam có xu hướng tăng lên cả về số dự án, quy mô vốn đăng ký và thực hiện như thể hiện ở biểu đồ sau.

khí Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ra đời, trong ba năm đầu 1988-1990, kết quả thu hút FDI còn hạn chế, chỉ có 211 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 1.603,5 triệu USD. Đầu tư nước ngoài thực sự chưa tác động đến tình hình kinh tế xã hội trong nước giai đoạn này.

Giai đoạn 1991-1995, FDI đã có sự tăng lên vượt bậc (1.409 dự án với tổng số vốn đăng ký là 18.379,1 trUSD).

Giai đoạn 1996-2000, FDI có sự sụt giảm cả về số vốn đăng ký lẫn quy mô dự án. Tốc độ tăng thu hút FDI cao nhất giai đoạn này là năm 1996, quy mô vốn đăng ký tăng 21,58% so với năm 1995.

Giai đoạn 2001-2005, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam bắt đầu có sự phục hồi nhưng tốc độ còn chậm.

Giai đoạn 2006-2010, FDI có sự biến động không ổn định.

Giai đoạn 2011-2015, FDI có sự tăng lên không đáng kể. Năm 2011, có 1.186 dự án được cấp mới với tổng số vốn đăng ký là 15.589 triệu USD (giảm 21,57% so với năm 2010).

Năm 2016, hàng loạt hiện định thương mại tự do (FTA) có hiệu lực và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được ký kết làm cho FDI tăng lên về cả số dự án được cấp mới và số vốn đăng ký.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 1988 đến năm 2016, dòng vốn FDI vào Việt Nam có nhiều sự biến động nhưng có thể thấy tổng vốn FDI có xu hướng tăng theo thời gian. Tuy nhiên, tỷ lệ vốn thực hiện so với vốn đăng ký còn chưa cao. Điều này đặt ra những yêu cầu cần phải có chính sách thu hút vốn đầu tư một cách ổn định, quản lý và sử dụng FDI một cách có hiệu quả.

3.1.2. *Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam phân theo đối tác đầu tư*

Từ năm 1988 đến tháng 12/2016 đã có 78 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới có lượng vốn FDI đổ về Việt Nam.

Trong đó, quốc gia có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất ở nước ta là Hàn Quốc (với 5.773 dự án và tổng số vốn đăng ký là 50.553,9 tr.USD). Mặc dù số vốn bình quân trên một dự án

(8,76 triệu USD) thấp hơn so với quy mô trung bình của một dự án FDI ở nước ta (13 triệu USD) nhưng các doanh nghiệp có vốn FDI của Hàn Quốc tiêu biểu như các hãng Samsung, LG hay Lotte,... luôn là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta.

3.1.3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam phân theo ngành kinh tế

Tính đến ngày 31/12/2016, ngành công nghiệp và xây dựng là ngành kinh tế thu hút được nhiều vốn FDI nhất với 13.312 dự án và số vốn đăng ký là 199.781,8 triệu USD chiếm 68,2% tổng lượng vốn FDI. Nguồn vốn này đã góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông, khai thác, chế biến dầu khí, điện tử, công nghệ thông tin,.. góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa xuất khẩu, tiếp thu các công nghệ tiên tiến, góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng ở các địa phương.

3.2. Thực trạng bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam

Trước khi nghiên cứu về thực trạng bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị, đề tài sẽ khái quát về thực trạng bất bình đẳng chung ở Việt Nam.

3.2.1. Thực trạng bất bình đẳng chung

Bất bình đẳng thu nhập thường có tính hai mặt khá rõ, thể hiện: vừa liên quan chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế, vừa phản ánh thực trạng xã hội.

Bất bình đẳng của Việt Nam trong giai đoạn này có sự tăng giảm thất thường. Từ 0,42 năm 2002 tăng mạnh đến 0,434 năm 2008, sau đó giảm dần xuống 0,424 vào năm 2012, lại tăng lên và đạt giá trị cao nhất trong giai đoạn này là 0,436 năm 2016. Như vậy trong 14 năm qua (2002-2016) bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam có xu hướng biến động thất thường, tăng lên giảm xuống sau đó lại tăng lên. Dù giá trị của hệ số Gini không biến động nhiều (0,42 đến 0,436) nhưng giá trị này không phải ở mức thấp.

Năm 2002, thu nhập bình quân đầu người một tháng của nhóm 5 cao hơn nhóm 1 là 765,18 nghìn đồng thì đến năm 2016 mức chênh lệch giữa 2 nhóm này tăng lên 6.964 nghìn đồng (tăng lên 9,1 lần qua 14 năm). Xét về mặt tương đối, khoảng cách này càng biểu hiện rõ hơn.

3.2.2. Bất bình đẳng thu nhập theo khu vực thành thị và nông thôn

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của xã hội, thu nhập và mức sống của cả khu vực nông thôn và thành thị đều có những cải thiện nhất định.

Từ năm 2002 đến năm 2016, thu nhập bình quân đầu người ở khu vực thành thị tăng lên 7,021 lần, còn ở khu vực nông thôn tăng lên 8,859 lần. Làm cho hệ số chênh lệch thu nhập bình quân đầu người ở khu vực thành thị so với nông thôn từ 2,3 lần (năm 2002) giảm xuống còn 1,79 lần (năm 2016). Xét về mặt tuyệt đối, mức chênh lệch thu nhập giữa hai khu vực này ngày càng tăng, từ 347 nghìn đồng (năm 2012) lên 1.931 nghìn đồng (năm 2016). Như vậy có thể thấy, khoảng cách thu nhập giữa người dân ở khu vực thành thị và nông thôn có xu hướng ngày càng tăng nhưng hệ số chênh lệch về thu nhập ở hai khu vực này đang dần được thu hẹp.

Ở khu vực thành thị, trong giai đoạn từ 2002 đến 2016, thu nhập từ tiền lương tiền công chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng dần qua các năm. Thu nhập từ hoạt động nông - lâm - thủy sản và thu khác có xu hướng giảm dần.

Khu vực nông thôn, thu nhập từ tiền lương tiền công cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng nhanh qua các năm. Thu nhập từ hoạt động nông - lâm - thủy sản có xu hướng tăng nhẹ.

Bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị theo hoạt động kinh tế

Thu nhập bình quân đầu người trong tất cả các lĩnh vực đều có xu hướng tăng. Trong đó, thu nhập bình quân đầu người trong lĩnh vực nông nghiệp là thấp nhất, tài chính là cao nhất so với các lĩnh vực còn lại. Bên cạnh đó, tỉ lệ thu nhập bình quân đầu người thành thị so với nông thôn ở lĩnh vực khai khoáng có xu hướng tăng, các lĩnh vực còn lại đều có xu hướng giảm dần.

Bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị theo nghề nghiệp

Thu nhập bình quân đầu người ở tất cả các ngành nghề đều có xu hướng tăng. Trong đó, thu nhập bình quân đầu người của “lao động giản đơn” thấp nhất và của “các nhà hoạt động có chuyên môn và lãnh đạo” cao nhất trong tất cả các nhóm nghề nghiệp.

Bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị theo dân tộc.

Thu nhập bình quân đầu người ở tất cả các nhóm dân tộc đều có xu hướng tăng. Trong đó, thu nhập bình quân đầu người của dân tộc Hoa thấp nhất và của dân tộc Kinh cao nhất. Bên cạnh đó, tỉ lệ thu nhập bình quân đầu người khu vực thành thị so với nông thôn có xu hướng giảm ở tất cả các nhóm.

3.3. Ảnh hưởng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam

Biến số	Mô hình REM		Mô hình FEM		Mô hình GMM	
	Coef	p > t	Coef	p > t	Coef	p > t
trade	-9.59e-6	0.505	-0.0000273	0.133	0.0001241**	0.007
lngdpg	-0.0007558	0.706	0.0063856	0.641	0.0004036	0.763
fdi	-9.33e-6	0.952	-0.0000272	0.877	-0.042854**	0.018
cpi	0.0003629	0.368	0.0004226	0.334	0.0004603	0.444
nsnn	-0.0002192	0.498	-0.0001346	0.824	0.003212*	0.054
ur	0.0000967	0.763	0.0005507	0.333	-0.0005534**	0.007
lntb	0.0074609	0.058	0.0051289	0.395	0.0141703**	0.003
_cons	0.2026198	0.000	0.1346904	0.203	0.1440011	0.035

Kết quả kiểm định biến nội sinh ở phụ lục 6 cho thấy FDI là biến nội sinh nên việc sử dụng mô hình REM và FEM là không phù hợp. Do vậy, nghiên cứu chỉ tập trung phân tích kết quả hồi quy từ mô hình GMM.

Kết quả hồi quy GMM cho thấy các biến trade, fdi, nsnn, ur, lntb có tác động đến biến phụ thuộc theilt. Trong đó biến fdi, ur tác động ngược chiều, các biến còn lại tác động cùng chiều.

Chương 4
MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH NHẪM THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ
TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG THU NHẬP
NÔNG THÔN - THÀNH THỊ TẠI VIỆT NAM

4.1. Định hướng thu hút FDI và giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị

4.1.1. Định hướng chung về thu hút FDI

Quan điểm thu hút FDI được thể hiện rõ tại Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2013.

Thứ nhất, tạo bước chuyển mạnh mẽ về thu hút ĐTNN theo hướng chọn lọc các dự án có chất lượng giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

Thứ hai, tăng cường thu hút các dự án có quy mô lớn, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia.

Thứ ba, khuyến khích, tạo điều kiện và tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước

Thứ tư, quy hoạch thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực, đối tác phù hợp với lợi thế của từng vùng, từng ngành.

4.2.1. Định hướng về giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị trong những năm tới

Mục tiêu về xóa đói giảm nghèo

- Thu nhập bình quân của các hộ nghèo tăng lên 3,5 lần; tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm 2%/năm, riêng các huyện, xã nghèo giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo từng giai đoạn.

- Điều kiện sống của người dân nghèo được cải thiện rõ rệt, trước hết là y tế, giáo dục, văn hóa, nước sinh hoạt, nhà ở,...

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo; xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới. Trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước sinh hoạt,...

Mục tiêu về công bằng xã hội

Cần phải thu hẹp dần khoảng cách về mức sống dân cư giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư và đặc biệt là giữa nông thôn và thành thị.

4.2. Giải pháp thu hút FDI và giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị

4.2.1. Nhóm giải pháp thu hút FDI

Thứ nhất, cần chuyển dần sang coi trọng cơ cấu và chất lượng FDI.

Thứ hai, thu hút FDI có hàm lượng carbon thấp.

Thứ ba, thu hút và khai thác hiệu quả FDI công nghệ hiện đại.

Thứ tư, thu hút FDI nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ năm, thu hút FDI nhằm tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong nước, kết nối chuỗi giá trị và nâng cao chất lượng chuỗi giá trị..

4.2.2. Nhóm giải pháp nhằm giảm bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị

Thứ nhất, đẩy mạnh quá trình đổi mới thể chế

Thứ hai, đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông sản.

Thứ ba, đa dạng hóa nguồn thu nhập ở nông thôn

Thứ tư, giải pháp liên quan đến đầu tư

Thứ năm, cần phân bổ đầu tư hợp lý giữa các ngành, các vùng

Cần phân bổ lại nguồn đầu tư từ công nghiệp sang nông nghiệp, từ công nghiệp nặng sang công nghiệp nhẹ, chế biến, đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng từ thành thị về nông thôn.

KẾT LUẬN

Nhận thức được tầm quan trọng của bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đề tài đã phân tích ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị tại Việt Nam trong những năm qua. Sử dụng mô hình GMM để lượng hóa tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập - nông thôn thành thị, đề tài đưa ra kết luận đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị, đầu tư trực tiếp nước ngoài càng tăng thì bất bình đẳng thu nhập càng giảm và ngược lại. Ngoài ra còn một số yếu tố khác cũng tác động đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn, thành thị như tỉ lệ xuất khẩu trên GDP, tỉ lệ ngân sách nhà nước trên GDP, tỉ lệ đô thị hóa, số thuê bao điện thoại,...

Mặc dù đã chỉ ra bên cạnh FDI, một số yếu tố khác cũng có tác động đến bất bình đẳng thu nhập nông thôn - thành thị, nhưng đề tài vẫn chưa đưa được các biến số liên quan đến tỉ lệ dân số theo độ tuổi, hay cơ cấu lao động chia theo các khu vực kinh tế,... vào mô hình. Đây cũng là hạn chế chính của đề tài cần được tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.